

NHU CẦU TĂNG TRƯỞNG XANH: KINH NGHIỆM QUỐC TẾ, THỰC TRẠNG VÀ KHUYẾN NGHỊ CHO VIỆT NAM

TS. Đặng Thị Thu Hằng

Học viện Ngân hàng

Tác giả liên hệ: hangdt.knh@hvn.edu.vn

Ngày nhận: 08/5/2023

Ngày nhận bản sửa: 18/5/2023

Ngày duyệt đăng: 26/6/2023

Tóm tắt

Bài báo nghiên cứu khái quát kinh nghiệm quốc tế về phát triển các quỹ đáp ứng nhu cầu tăng trưởng xanh từ nhiều quốc gia, từ đó, rút ra bài học cho Việt Nam trên các khía cạnh: mô hình tổ chức, các nguồn viện trợ cho quỹ và phương thức quản lý. Các quỹ môi trường hiện có ở Việt Nam đóng góp phần lớn vào việc nâng cao nhận thức cộng đồng và góp phần hỗ trợ các dự án môi trường và biến đổi khí hậu. Các quỹ đáp ứng nhu cầu tăng trưởng xanh của Việt Nam sẽ phát huy hiệu quả hoạt động cao hơn khi hoàn thiện các vấn đề về nền tảng pháp lý, nguồn vốn và năng lực chuyên môn.

Từ khóa: Tăng trưởng xanh, quỹ tài chính xanh.

Developing Green Growth Funds: International Experiences, Current Status, and Recommendations for Vietnam

Dr. Dang Thi Thu Hang

Banking Academy

Corresponding author: hangdt.knh@hvn.edu.vn

Abstract

This paper provides a summary of the international experiences in developing funds to meet the needs of green growth from various countries, with a view to drawing lessons for Vietnam. Specifically, the study examines the organizational models, sources of funding, and management methods used in existing environmental funds across Vietnam. These funds have played a significant role in raising public awareness and supporting environmental and climate change projects in the country. However, to maximize the effectiveness of Vietnamese green credit funds, it is necessary to address issues such as the legal framework, capital, and professional capacity. The findings of this research can inform the development of more efficient and effective green growth funds in Vietnam.

Keywords: Green growth, green financial fund.

1. Đặt vấn đề

Kể từ khi hội nhập quốc tế, nền kinh tế Việt Nam đã được thừa nhận là một trong những nước đang phát triển thành công trên thế giới. Tuy nhiên, Việt Nam cũng phải đối mặt với những nguy cơ về môi trường, bao gồm mất đa dạng sinh học, phá rừng, ô nhiễm không khí hoặc phát thải khí nhà kính. Do đó, những thành tựu kinh tế đạt được đang bị đe dọa trong thời gian qua do biến đổi khí hậu và có nguy cơ bị đảo ngược nếu kịch bản xấu nhất xảy ra. Nhận thức được những tác động của biến đổi khí hậu đến đời

sống người dân, ngày 25/9/2012, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 1393/QĐ-TTg phê duyệt “Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh thời kỳ 2011-2020 và tầm nhìn đến năm 2050” nhằm mục đích tăng hiệu quả sử dụng nguồn lực của nền kinh tế, tăng tính bền vững, đồng thời, đạt được các mục tiêu phát triển kinh tế.

Đề đưa nền kinh tế vào một lộ trình phát triển bền vững và xanh, như quy định trong Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh, không chỉ đòi hỏi sự thay đổi chưa từng có về công nghệ và mô hình kinh doanh, mà

còn cả nguồn lực tài chính to lớn để đảm bảo sinh kế bền vững và thịnh vượng của con người. Nguồn tài chính cần thiết cho quá trình chuyển đổi có trật tự sang một nền kinh tế carbon thấp, thích ứng với khí hậu có thể được tính bằng hàng tỷ USD. Theo Bộ Kế hoạch và Đầu tư, để đạt được các mục tiêu chiến lược nêu trong Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh đến năm 2020,

Việt Nam cần ít nhất 30 tỷ USD. Báo cáo đóng góp dự kiến do quốc gia tự quyết định (INDC) của Việt Nam đã đưa ra ước tính rằng để đạt được mục tiêu giảm phát thải 8% khí nhà kính cần 3,2 tỷ USD nguồn lực trong nước và 17,9 tỷ USD từ nguồn hỗ trợ quốc tế để đạt được mục tiêu giảm phát thải 25% khí nhà kính với các phương án giảm nhẹ có điều kiện vào năm 2030 (như Bảng 1).

Bảng 1. Tổng hợp nhu cầu tài chính cho các mục tiêu giảm phát thải khí nhà kính giai đoạn 2021-2030

Lĩnh vực	Phương thức thực hiện	Mục tiêu giảm đến 2030 (%)	Nhu cầu vốn (USD million)
Năng lượng	Nguồn lực trong nước	4.4	1,894.3
	Hỗ trợ quốc tế	9.8	5,331.9
Nông nghiệp	Nguồn lực trong nước	5.8	885.43
	Hỗ trợ quốc tế	41.8	12,093.54
Nước	Nguồn lực trong nước	8.6	311.7
	Hỗ trợ quốc tế	42.1	2,596.2
LULUCF*	Nguồn lực trong nước	50.05	131.98
	Hỗ trợ quốc tế	145.7	1,127.98
Tổng nhu cầu vốn: Nguồn lực trong nước (USD million)			3,223.41
Tổng nhu cầu vốn: Hỗ trợ quốc tế (USD million)			17,926.21
Total (USD million)			21,149.62

(Lưu ý: *Sử dụng đất, đất sử dụng thay đổi và lâm nghiệp)

Nguồn: Bộ Tài nguyên và Môi trường, Báo cáo kỹ thuật, Vietnam INDC

Thực tế cho thấy, việc triển khai thực hiện Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2011-2020 đã đạt được những kết quả nhất định. Tuy nhiên, Chiến lược này đã bộc lộ những hạn chế cần giải quyết và điều chỉnh thay đổi cho phù hợp với bối cảnh mới. Vì vậy, ngày 01/10/2021, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 1058/QĐ-TTG phê duyệt “Chiến lược Quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050”, thay cho Quyết định số 1343/QĐ-TTg. Mục tiêu tổng quát của Chiến lược là tăng trưởng xanh góp phần thúc đẩy cơ cấu lại nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng nhằm đạt được thịnh vượng về kinh tế, bền vững về môi trường và công bằng về xã hội; hướng tới nền kinh tế xanh, trung hòa carbon và đóng góp vào mục tiêu hạn chế sự gia tăng nhiệt độ toàn cầu. Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021-2030 cung cấp một lăng kính quan trọng mà qua đó có thể thấy được vai trò của hệ thống tài chính trong việc huy động nguồn lực tài chính cho tăng trưởng xanh bao gồm: (i) nguồn lực từ

Ngân sách Nhà nước, nguồn vốn trong kế hoạch đầu tư công và chi thường xuyên; (ii) nguồn tài chính từ các định chế tài chính, các quỹ và các nhà đầu tư tư nhân quốc tế, nguồn vốn vay ưu đãi, hỗ trợ phát triển chính thức (ODA), hỗ trợ kỹ thuật của các nước, các tổ chức quốc tế, các tổ chức phi chính phủ; (iii) nguồn vốn huy động từ khu vực tư nhân, các hình thức hợp tác giữa nhà nước và tư nhân, giữa các nhà đầu tư trong và ngoài nước. Trong bài báo này, ý tưởng phát triển quỹ tín dụng xanh tại Việt Nam sẽ được đề xuất. Chúng tôi cũng đưa ra một cái nhìn tổng quan về các nghiên cứu điển hình quốc tế bao gồm cả thành công và không thành công về ý tưởng này, đồng thời, đưa ra các đề xuất liên quan đến hoàn cảnh của Việt Nam.

2. Kinh nghiệm quốc tế về phát triển quỹ đáp ứng nhu cầu tăng trưởng xanh
2.1. Kinh nghiệm quốc tế

Trong khi các nền kinh tế lớn mới nổi có thị trường tài chính ngày càng phát triển tốt, hệ thống tài chính ở nhiều quốc gia nhỏ hơn và thu nhập thấp có xu hướng tập trung vào các

ngân hàng. Nhiều nước đang phát triển đang phát triển các sản phẩm giao dịch chứng khoán và thị trường nợ non trẻ. Tuy nhiên, ngày càng có nhiều quan điểm cho rằng những điểm yếu trong hệ thống tài chính như chi phí giao dịch cao và thông tin không cân xứng đang hạn chế đầu tư sản xuất dài hạn, cản trở việc phân bổ vốn cho đổi mới và cho

các doanh nghiệp nhỏ và vừa. Để giải quyết những vấn đề này, một số quỹ môi trường đã được khởi xướng. Các quỹ môi trường điển hình là Quỹ thuế định mức (ETF), Quỹ tín dụng định hướng (DCF), Quỹ xanh (GF) và Quỹ tín dụng xanh của các ngân hàng trung ương (như trong Bảng 2).

Bảng 2. Ví dụ về Quỹ môi trường

Ví dụ	Thu nhập	Các khoản chi chính	Người thụ hưởng	Giải ngân
<i>Quỹ tích lũy từ thuế</i>				
Hungary: Quỹ Bảo vệ môi trường Trung ương	Thuế nhiên liệu; Phí sản phẩm; Phí giao thông; Tiền phạt ô nhiễm; Tài trợ từ EU PHARE	Giảm thiểu ô nhiễm không khí; Quản lý chất thải; Kiểm soát ô nhiễm nước; Nâng cao nhận thức cộng đồng	Các công ty vận tải công cộng; Các thành phố trực thuộc trung ương; Xí nghiệp công nghiệp; Viện nghiên cứu	Các khoản tài trợ; Cho vay lãi suất thấp
Ba Lan: Quỹ quốc gia về bảo vệ môi trường và quản lý nước, phí ô nhiễm không khí và nước	Phí ô nhiễm không khí và nước; Phí sử dụng nước và phí chất thải	Giảm thiểu không khí và nước; Bảo vệ đất, giám sát môi trường và giáo dục	Doanh nghiệp công nghiệp, công ty thành phố, các trường đại học	Các khoản vay mềm; Bảo lãnh cho vay, trợ cấp
Nga: Quỹ môi trường liên bang	Phí ô nhiễm	Kiểm soát ô nhiễm; Nghiên cứu và phát triển môi trường; Xây dựng thể chế	Doanh nghiệp Nhà nước; Xí nghiệp công nghiệp; Viện nghiên cứu	Tài trợ
<i>Quỹ tín dụng theo chỉ đạo của chính phủ</i>				
Trung Quốc: Quỹ kiểm soát ô nhiễm khu công nghiệp Thiên Tân	Tín dụng IDA; Phí ô nhiễm	Giảm thiểu và thu hồi chất thải; Ngăn ngừa ô nhiễm (công nghệ sạch hơn)	Các doanh nghiệp công nghiệp	Cho vay lãi suất thị trường kết hợp với trợ cấp (10–30%)
Nga: Quỹ giảm thiểu ô nhiễm	Khoản vay IBRD	Thu hồi chất thải	Doanh nghiệp công nghiệp tư nhân và nhà nước	Lãi suất IBRD cộng với 400 điểm cơ bản
Slovenia: Quỹ sinh thái	Phân bổ ngân sách; Khoản vay IBRD	Giảm thiểu ô nhiễm đô thị	Hộ gia đình; Hợp tác xã; Doanh nghiệp thương mại và công nghiệp; Các thành phố trực thuộc trung ương.	LIBOR cộng 200 điểm cơ bản

Quỹ xanh				
Bolivia: FONAMA	Hoán đổi nợ lấy tài nguyên; Chính phủ nước ngoài và các tổ chức phi chính phủ đóng góp	Hỗ trợ cho các khu bảo tồn trong bảo tồn thiên nhiên	Cộng đồng địa phương; Các tổ chức phi chính phủ	Tài trợ
Colombia: ECOFONDO	Hoán đổi nợ lấy tài nguyên; Chính phủ nước ngoài và các tổ chức phi chính phủ đóng góp	Bảo vệ thiên nhiên; Giáo dục môi trường; Quản lý tổng hợp tài nguyên nước	Các tổ chức phi chính phủ; Các tổ chức tại địa phương.	Tài trợ
Tài chính xanh của ngân hàng trung ương				
Bangladesh: Quỹ chuyên đổi xanh	Nguồn lực riêng của Ngân hàng Bangladesh	Hiệu quả sử dụng nước trong chế biến ươm; Quản lý và bảo tồn nước; Quản lý chất thải; Hiệu quả tài nguyên và tái chế; Năng lượng tái tạo; Hiệu suất năng lượng; Nhiệt và quản lý nhiệt độ; Hiệu quả thông gió và lưu thông không khí; Sáng kiến cải thiện môi trường làm việc.	Các ngành dệt may định hướng xuất khẩu và đa thuộc	Vay tái cấp vốn, các khoản vay ưu đãi
<i>(Lưu ý: CEPF: Quỹ Bảo vệ Môi trường Trung ương; FEF: Quỹ Môi trường Liên bang; IPCF: Quỹ Cortisol Ô nhiễm Công nghiệp; LIBOR: Tỷ giá liên ngân hàng London; NFEPWM: Quỹ Quốc gia về Bảo vệ Môi trường và Quản lý Nước; PAF: Cơ sở Xử lý Ô nhiễm).</i>				

Nguồn: Ngân hàng Thế giới và Ngân hàng Bangladesh

2.2. Bài học cho Việt Nam

- Mô hình tổ chức: Trong một quốc gia, có thể tồn tại nhiều loại quỹ tăng trưởng, biến đổi khí hậu và bảo vệ môi trường. Các loại quỹ khác nhau này có thể thuộc về chính phủ, các tổ chức, cá nhân trong nước và các tổ chức nước ngoài.

- Nguồn quỹ: Cần đa dạng hóa các nguồn quỹ để duy trì hoạt động của quỹ được bền vững. Khu vực tư nhân nên là nguồn tài trợ chính cho quỹ tín dụng xanh. Viện trợ từ các cơ quan tài trợ song phương và đa phương cũng là một nguồn tài trợ chính. Cuối cùng, các tổ chức và tổ chức phi chính phủ quốc tế về bảo tồn là nguồn quan trọng hỗ trợ cả tài chính và kỹ thuật cho quỹ này.

- Quản lý: Các quỹ tín dụng xanh (GCF)

thường được điều hành bởi một hội đồng quản trị hoặc người được ủy thác. Thành phần của các hội đồng có đại diện của chính phủ (ví dụ: Quỹ ủy thác bảo tồn môi trường của Bhutan), hoặc không có đại diện của chính phủ (ví dụ: Ủy thác bảo tồn của Guatemala). Tuy nhiên, phần lớn các quỹ tín dụng xanh có cơ quan quản lý bao gồm đại diện của cả khu vực công và tư nhân. Trên thực tế, GCF thường là một trong số ít các tổ chức ở một quốc gia nơi các đại diện từ các thành phần khác nhau của xã hội, chính phủ, doanh nghiệp, học viện, các tổ chức phi chính phủ và các nhóm cộng đồng - cùng nhau quản lý một loạt các hoạt động quan trọng. Điều quan trọng nữa là phải yêu cầu các thủ tục hoạt động hiện có phù hợp

với hoạt động tài trợ của các GCF và duy trì tính minh bạch và trách nhiệm giải trình với các bên liên quan và các nhà tài trợ.

3. Thực trạng hoạt động các quỹ/ dự án về môi trường và khí hậu hiện có tại Việt Nam

3.1. Các quỹ / dự án về môi trường và khí hậu hiện có ở Việt Nam

Để tài trợ cho các dự án bảo vệ môi trường, biến đổi khí hậu và tăng trưởng xanh ở Việt Nam, nhiều quỹ và dự án đã được phát triển tại Việt Nam.

3.1.1. Quỹ bảo vệ môi trường

a. Quỹ bảo vệ môi trường Việt Nam (VEPF)

VEPF được thành lập theo Quyết định số 82/2002/QĐ-TTg ngày 26/6/2002 của Thủ tướng Chính phủ và hiện đang hoạt động theo Quyết định số 78/2014/QĐ-TTg ngày 26/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ.

VEPF là quỹ bảo vệ môi trường quốc gia, tổ chức tài chính Nhà nước trực thuộc Bộ Tài nguyên và Môi trường chịu sự quản lý nhà nước về tài chính của Bộ Tài chính. VEPF ưu đãi lãi suất, bảo lãnh vốn vay, cho vay hỗ trợ lãi suất đối với các chương trình, dự án, hoạt động, nhiệm vụ bảo vệ môi trường, chống biến đổi khí hậu; Các chương trình, dự án này không thuộc nguồn chi ngân sách trong phạm vi cả nước.

Vốn điều lệ 1.000 tỷ đồng của quỹ được cấp từ ngân sách Nhà nước (năm 2017, VEPF nhận đủ số vốn điều lệ đó). Ngoài ra, các nguồn vốn bổ sung hàng năm khác từ các nguồn sau: Ngân sách Nhà nước bổ sung để bù đắp chi sự nghiệp bảo vệ môi trường; Phí bảo vệ môi trường đối với nước thải, khí thải, chất thải rắn, khai thác khoáng sản và phí bảo vệ môi trường khác; Thiệt hại về môi trường nộp ngân sách Nhà nước; Tiền bồi thường thiệt hại về môi trường (khoản phải nộp ngân sách Nhà nước) do tổ chức, cá nhân chi trả; Phí bán chứng chỉ giảm phát thải (CER) từ các dự án Cơ chế phát triển sạch (CDM) tại Việt Nam; Vốn ủy thác của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước cho hoạt động bảo vệ môi trường.

b. Quỹ bảo vệ môi trường cấp tỉnh

Các quỹ này được thành lập theo Luật Bảo vệ Môi trường (năm 2005, năm 2014 và được thay thế bởi Luật năm 2020). Hiện

có khoảng 39 quỹ tại 39 tỉnh, thành ở Việt Nam. Các nhiệm vụ, tổ chức và hoạt động của quỹ này tuân theo VEPF, chúng do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thành lập và hoạt động theo nguyên tắc độc lập về tài chính.

Nguồn vốn: Vốn ngân sách tỉnh cấp (hiện nay từ 5 tỷ đến 300 tỷ đồng); Phí bảo vệ môi trường tại địa phương; Các khoản viện trợ, đóng góp do các tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài tự nguyện đóng góp; Vốn nhận ủy thác của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước cho hoạt động bảo vệ môi trường.

Hoạt động cơ bản của quỹ là: Xây dựng cơ chế hỗ trợ tài chính cho các chương trình, dự án bảo vệ môi trường của địa phương; Gắn phát triển kinh tế, xã hội với giữ gìn môi trường; Khuyến khích các hoạt động, đầu tư phòng, chống ô nhiễm, suy thoái môi trường.

Hầu hết các quỹ bảo vệ môi trường cấp tỉnh thực hiện ưu đãi lãi suất, hỗ trợ lãi suất cho vay, theo mục tiêu, chức năng của mình, với tư cách là đồng tài trợ, đồng cho vay đối với các dự án môi trường với các tổ chức tài chính trong và ngoài nước. Một phần kinh phí của họ được sử dụng để mua sắm tài sản cố định và các phương tiện khác phục vụ cho hoạt động của họ.

c. Quỹ bảo vệ môi trường ngành

Quỹ được thành lập theo Luật Bảo vệ môi trường. Hiện nay, chỉ có 01 quỹ bảo vệ môi trường ngành là quỹ môi trường Than - Khoáng sản thuộc Tổng Công ty Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam (Vinacomin) được thành lập vào năm 1999 nhằm hỗ trợ tài chính cho các hoạt động bảo vệ môi trường của ngành than Việt Nam và các tỉnh có hoạt động khai thác than.

Nhiệm vụ của quỹ là xây dựng các dự án tài chính, chương trình bảo vệ môi trường tại các tỉnh có hoạt động khai thác than; Đầu tư khắc phục thiệt hại và các hậu quả khác về môi trường tại các tỉnh mà doanh nghiệp than không có khả năng hoặc khó quản lý; Khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư vào bảo vệ môi trường, cải thiện chất lượng môi trường và giảm thiểu chất thải đến mức tối đa; Đầu tư vào đào tạo và quan hệ công chúng về bảo vệ môi trường; Ứng phó, khắc

phục hậu quả do sự cố, thảm họa môi trường khẩn cấp gây ra.

Nguồn vốn của quỹ được hình thành từ các nguồn: (1) Trích khoảng 1% giá thành sản xuất than, khoáng sản và các sản phẩm, hoạt động khác có liên quan đến than, khoáng sản theo quy định tài chính của Vinacomin, được cơ quan Nhà nước, Bộ, ngành có liên quan phê duyệt (tỷ lệ chi tiết do Ban lãnh đạo Vinacomin quyết định hàng năm hoặc định kỳ); (2) Hỗ trợ từ ngân sách Nhà nước; (3) Nguồn viện trợ, tài trợ của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước; (4) Hoạt động cho vay và các khoản thu khác từ hoạt động bảo vệ môi trường; (5) Các nguồn huy động vốn hợp pháp khác.

Cơ chế hỗ trợ của quỹ bao gồm các hình thức viện trợ, cấp vốn cho tính, tăng tài sản, tăng vốn từ công ty mẹ thành công ty liên kết.

3.1.2. Quỹ Tài chế chất thải Thành phố Hồ Chí Minh

Quỹ được thành lập vào năm 2006 bởi Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh (Tp. HCM), là cơ quan hành chính thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường Tp. HCM. Việc vận hành quỹ phải tuân theo sự chỉ đạo của Sở Tài nguyên và Môi trường Tp. HCM.

Quỹ hoạt động dựa trên nguyên tắc hòa vốn và hỗ trợ chi phí với mục tiêu là khuyến khích và hỗ trợ các hoạt động giảm phát sinh, tái sử dụng và tái chế chất thải nhằm giảm lượng chất thải ra môi trường, nâng cao hiệu quả sử dụng tài nguyên thiên nhiên trên địa bàn Tp. HCM.

Nguồn vốn của quỹ được hình thành trên cơ sở: Vốn điều lệ 100 tỷ đồng của Quỹ được cấp từ ngân sách Nhà nước; Phân bổ ngân sách nhà nước hàng năm theo quy định của pháp luật; Thu khác từ hoạt động tái chế chất thải, thu khác từ các dự án CDM (Clean Development Mechanism: Cơ chế phát triển sạch); Huy động vốn từ các nguồn khác ngoài các nguồn chi ngoài ngân sách.

Hoạt động cơ bản của quỹ bao gồm: Hỗ trợ các dự án thông qua hỗ trợ tài chính một phần hoặc 100%, cho vay ưu đãi, cho vay không lãi suất.

3.1.3. Quỹ Ủy thác Tín dụng Xanh

Quỹ Ủy thác Tín dụng Xanh được

thành lập năm 2007 tại Việt Nam từ sáng kiến hỗ trợ tài chính của Ban Thư ký Hợp tác Kinh tế Thụy Sĩ (SECO) nhằm giúp đổi mới công nghệ tại Việt Nam.

Đối tượng hỗ trợ của quỹ là các doanh nghiệp nhỏ và vừa Việt Nam không có đủ tài sản thế chấp tiếp cận vốn vay thông qua bảo lãnh tín dụng. Hình thức hỗ trợ là hoàn trả một phần vốn đầu tư khi DNNVV lắp đặt công nghệ sạch hơn nhằm giảm tác động xấu đến môi trường.

Mục tiêu hoạt động của quỹ là các ngân hàng thương mại (NHTM) Việt Nam thông qua Quỹ Ủy thác Tín dụng Xanh cho vay bảo lãnh các dự án thân thiện với môi trường. Quỹ cung cấp bảo lãnh thông qua các ngân hàng địa phương cho 50% giá trị gốc của khoản tín dụng xanh (quy mô khoản vay từ 250.000 USD đến 1 triệu USD). Quỹ cũng hoàn trả phần vốn vay (lên đến 25%) của khoản đầu tư sau khi lắp đặt thành công công nghệ sản xuất sạch hơn (CP) dựa trên các tác động môi trường do đầu tư gây ra.

Nguồn vốn hoạt động của quỹ được hình thành từ 5 triệu USD do SECO tài trợ nhằm đạt 2 mục tiêu: Giảm nhu cầu về tài sản đảm bảo (2 triệu USD) và hoàn trả một phần (3 triệu USD).

Hiện đã có trên 60 doanh nghiệp Việt Nam đăng ký tham gia chương trình hỗ trợ tín dụng theo chương trình tín dụng xanh, 40 dự án đã đạt tiêu chuẩn ban đầu, 30 dự án được chấp thuận về mặt kỹ thuật và 12 dự án đang được các NHTM địa phương hoàn vốn.

Các tổ chức tham gia trong hoạt động của quỹ gồm:

+ Thẩm định tài chính và cấp tín dụng: 3 Ngân hàng TMCP Việt Nam (ACB, VIB, Techcombank)

+ Thẩm định về kỹ thuật và môi trường: Trung tâm Sản xuất sạch hơn Việt Nam (VNCPC), Trung tâm Phát triển bền vững (CSD).

+ Quản lý quỹ: SECO thông qua Ngân hàng Hoàng gia Canada (RBC).

3.1.4. Trung tâm Đổi mới Khí hậu Việt Nam

Trung tâm Đổi mới Khí hậu Việt Nam (VCIC) được thành lập năm 2015, do Ngân

hàng Thế giới (WB) tài trợ từ nguồn vốn của Chính phủ Australia và Bộ Phát triển Quốc tế (DFID) dưới sự quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ (MoST) với tổng vốn là 4,18 triệu USD.

Mục tiêu của quỹ là: (i) Hỗ trợ doanh nghiệp sử dụng năng lượng sạch trong 3 năm đầu thực hiện; (ii) Cải thiện sự gia nhập của các sản phẩm và dịch vụ thân thiện với môi trường.

Trong vài năm qua, VCIC đã thực hiện một số hoạt động ban đầu nhằm tìm kiếm, lựa chọn và hỗ trợ các ý tưởng sáng tạo về biến đổi khí hậu trong cuộc thi “Proof of concept - PoC”. Sau khi đánh giá hơn 300 ý tưởng đề xuất, các chuyên gia của Bộ Khoa học và Công nghệ và Ngân hàng Thế giới đã chọn ra 18 ý tưởng xuất sắc nhất chứng minh tác động tích cực của công nghệ đối với tăng trưởng xanh và xây dựng nền kinh tế carbon thấp tại Việt Nam để tài trợ cho các dự án của mình.

3.2. Đánh giá thực trạng hoạt động của các quỹ dự án môi trường và khí hậu hiện có tại Việt Nam

Các quỹ môi trường hiện có ở Việt Nam đóng góp phần lớn vào việc nâng cao nhận thức cộng đồng và góp phần hỗ trợ các dự án môi trường, quỹ môi trường biến đổi khí hậu hiện tại chỉ cung cấp các khoản vay ưu đãi, hỗ trợ lãi suất và cho vay cho các dự án môi trường. Tuy nhiên, do các quỹ này được thành lập và quản lý bởi nhiều cơ quan nên chúng có một số điểm yếu như sau:

3.2.1. Nền tảng pháp lý

Hiện nay, giữa Bộ Tài chính và Bộ Tài nguyên và Môi trường còn một số trách nhiệm tài chính chưa rõ ràng nên Quỹ VEPF đang gặp nhiều khó khăn trong việc thực hiện các thủ tục tiếp nhận ngân sách Nhà nước, quyết toán một số khoản chi hoạt động. Thêm vào đó, trách nhiệm của các Bộ liên quan trong tổ chức và hoạt động của VEPF chưa rõ ràng nên còn nhiều vướng mắc trong quá trình xử lý các vấn đề liên quan đến quản lý Nhà nước đối với quỹ.

Không có văn bản quy phạm pháp luật nào chỉ ra mối quan hệ giữa VEPF và Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh nên hoạt động hiện

nay của 2 quỹ này khá độc lập. Không có sự ràng buộc thích hợp để tối đa hóa năng lực và tác dụng hỗ trợ của từng loại quỹ. Nó tạo ra những rào cản không cần thiết đối với một số quỹ bảo vệ môi trường cấp tỉnh, đặc biệt là các quỹ mới thành lập.

3.2.2. Nguồn vốn

Đối với VEPF, vốn điều lệ năm 2017 đạt 1.000 tỷ đồng là mức vốn khá nhỏ so với vốn điều lệ của các tổ chức tài chính trong nước có liên quan. Ví dụ, vốn điều lệ của Quỹ tín dụng nhân dân Trung ương là 3.000 tỷ đồng, của Ngân hàng Chính sách xã hội là 5.000 tỷ đồng, của Ngân hàng Phát triển Việt Nam là 5.000 tỷ đồng, vốn điều lệ tối thiểu của một ngân hàng thương mại là 3.000 tỷ đồng. Vì thế, vốn điều lệ hiện tại của VEPF không đáp ứng được nhu cầu của các dự án môi trường. Các nguồn vốn bổ sung hàng năm có thể kể đến gồm:

+ Phí bán CERs: Việt Nam được đánh giá là có nhiều tiềm năng về CDM. Tuy nhiên, việc triển khai các dự án CDM ở Việt Nam hiện nay đang gặp khó khăn.

+ Vốn tài trợ, hỗ trợ, đóng góp, ủy thác đầu tư của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước: Số vốn huy động thông qua hình thức này khá ít, chủ yếu thông qua các dự án nhỏ trên cơ sở hoạt động của VEPF nhằm hỗ trợ hộ gia đình, doanh nghiệp nhỏ áp dụng công nghệ sản xuất sạch hơn hoặc nâng cao nhận thức của người dân về bảo vệ môi trường.

3.2.3. Chuyên môn

Phần lớn các thành viên trong ban quản lý các quỹ này làm việc kiêm nhiệm nên năng lực và hiệu quả chưa tương xứng. Bên cạnh đó, cơ cấu tổ chức của một số quỹ còn thiếu một số bộ phận quan trọng như bộ phận kiểm toán nội bộ, bộ phận pháp chế. Ngoài ra, nhân viên được tuyển dụng từ nhiều nguồn khác nhau dẫn đến chênh lệch năng lực giữa các nhân viên. Nhiều nhân viên gặp hạn chế về chuyên môn, năng lực trong việc thẩm định, lựa chọn và đánh giá tài chính đối với các dự án được cấp vốn.

4. Khuyến nghị phát triển quỹ đáp ứng nhu cầu tăng trưởng xanh tại Việt Nam

Thứ nhất, về tính pháp lý của quỹ.

Cần xem xét lại tính pháp lý của các quỹ đã hoặc sẽ được thành lập trong tương lai đáp ứng yêu cầu là giải pháp thực hiện Chiến lược tăng trưởng xanh Việt Nam. Mỗi quỹ chỉ nên do một cơ quan chủ quản quản lý và điều hành để tránh những vướng mắc về quản lý Nhà nước của các quỹ. Trong trường hợp cơ quan chủ quản không đủ năng lực để quản lý độc lập do yêu cầu về chuyên môn thì chuyển giao cho cơ quan khác phù hợp để nâng cao hiệu quả hoạt động của quỹ.

Thứ hai, về vị trí của quỹ.

Hoạt động của các quỹ đáp ứng nhu cầu tăng trưởng xanh thường hướng mục tiêu thực hiện Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh và hỗ trợ phát triển bền vững. Để đáp ứng mục tiêu này, đòi hỏi quỹ phải có nguồn vốn lớn và ổn định lâu dài. Vì thế, quỹ sẽ phải huy động, tiếp nhận và quản lý các nguồn vốn theo quy định, các nguồn tài trợ khác, đóng góp của các tổ chức trong và ngoài nước, hỗ trợ kỹ thuật quốc tế để cung

cấp tín dụng xanh, thực hiện các chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội theo hướng bền vững (hỗ trợ sự phát triển bền vững). Để đạt được yêu cầu này, quỹ phải là tổ chức tài chính Nhà nước trực thuộc cơ quan chủ quản cấp Bộ, có tư cách pháp nhân, có điều lệ, bảng cân đối kế toán và con dấu riêng. Điều này giúp quỹ có đủ năng lực và uy tín để hợp tác với các tổ chức tài chính, các quỹ môi trường và biến đổi khí hậu trong nước, quốc tế để tài trợ, đồng tài trợ cho các dự án kế hoạch về lĩnh vực công nghiệp xanh, bảo vệ môi trường và phát triển bền vững.

Thứ ba, về năng lực chuyên môn.

Cần kiện toàn đội ngũ cán bộ quản lý các quỹ theo hướng bổ sung những cán bộ quản lý chuyên trách có năng lực chuyên môn phù hợp với yêu cầu của công việc. Ngoài ra, cần tăng cường công tác đào tạo cho các cán bộ chuyên môn, tận dụng các chương trình đào tạo và hỗ trợ kỹ thuật của các tổ chức trong và ngoài nước.

Tài liệu tham khảo

Bộ Kế hoạch và Đầu tư - Ngân hàng Thế giới (2016), *Báo cáo tổng quan: Việt Nam 2035 hướng tới thịnh vượng, sáng tạo, công bằng và dân chủ*.

Chính phủ (2018), *Báo cáo đánh giá 5 năm thực hiện Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh*.

Thu Hường (2021), *Chiến lược tăng trưởng xanh tại Việt Nam: Đẩy mạnh thu hút vốn đầu tư tư nhân*. *Tạp chí Con số và Sự kiện*, số 11/2021.

Louise Brown & Natalia Alayza (2021), *Why the Green Climate Fund Should Give Developing Countries Greater Direct Access to Finance*.

Nguyễn Thị Thanh Tâm (2019), *"Tăng trưởng xanh tại Việt Nam và những vấn đề đặt ra"*, *Tạp chí Tài chính*, số 7/2019.

Thủ tướng Chính phủ (2012), Quyết định số 1393/QĐ-TTg ngày 25/9/2012, *"Phê duyệt Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh thời kỳ 2011-2020 và tầm nhìn đến năm 2050"*.